TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2026/DS-PT
Ngày 09 - 4 - 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 218/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực D-Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 312/2026/QĐPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (gọi tắt là H1); Địa chỉ: Số B, đường N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – Chức vụ: Giám đốc cấp cao xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Long P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số F, P, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn:

+ Bà Ngô Thị K, sinh năm 1977 (Có mặt).

+ Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1966 (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 16, khu phố Long Thuận, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị K – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H cho bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T vay tiền theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 12959/23MN/HĐTD ngày 31/5/2023 và các phụ lục kèm theo; Hợp đồng tín dụng số 40195/24MN/HĐTD ngày 14/11/2024; Đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 03/10/2023 cùng với các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; lãi suất thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ. Để đảm bảo cho các khoản vay, bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9941/23MN/HĐBĐ ngày 31/5/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL01 ngày 09/11/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL02 ngày 14/11/2024, với tài sản đảm bảo là thửa đất số 352, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long), được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ngày 31/5/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà K và ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện:

- Yêu cầu bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn Thanh thanh T1 cho Ngân hàng một lần toàn bộ nợ gốc và lãi số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 4.440.988.748 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc khoản vay: 3.799.999.967 đồng; Lãi trong hạn: 252.170.179 đồng; Lãi quá hạn: 340.524.134 đồng; Gốc thẻ tín dụng: 24.344.565 đồng. Lãi thẻ tín dụng: 20.718.778 đồng; Phí thẻ tín dụng: 3.231.125 đồng.

- Tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng, khế ước nhận nợ từ ngày 31/12/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9941/23MN/HĐBĐ ngày 31/5/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL01 ngày 09/11/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL02 ngày 14/11/2024 đối với phần đất thửa số 352, tờ bản đồ số 04, tọa lạc khu phố L, phường A, tỉnh Vĩnh Long do ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Đỗ Văn T, bà Ngô Thị K trình bày:

Bà K và ông Đỗ Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Bà K và ông T thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng như ngân hàng trình bày và hiện còn nợ lại tiền ngân hàng số tiền gốc hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng, phí thẻ tín dụng theo như trình bày của Ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị K đồng ý liên đới trả cho toàn bộ nợ gốc như Ngân hàng yêu cầu nhưng xin được trả dần. Ông T và bà K yêu cầu được miễn số tiền lãi.

Phần đất thửa số 352, tờ bản đồ số 04, tọa lạc khu phố L, phường A, tỉnh Vĩnh Long đang thế chấp tại Ngân hàng là tài sản của ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không ai tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 218/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực D-Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7; Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đối với bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng:

- Buộc bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H nợ gốc và lãi số tiền (tính đến ngày 30/12/2025 là 4.440.988.748 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng); bao gồm: Nợ gốc khoản vay:

3.799.999.967 đồng; Lãi trong hạn: 252.170.179 đồng; Lãi quá hạn: 340.524.134 đồng; Gốc thẻ tín dụng: 24.344.565 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 20.718.778 đồng; Phí thẻ tín dụng: 3.231.125 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng, khế ước nhận nợ từ ngày 31/12/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9941/23MN/HĐBĐ ngày 31/5/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL01 ngày 09/11/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL02 ngày 14/11/2024 đối với phần đất thửa số 352, tờ bản đồ số 04, tọa lạc khu phố L, phường A, tỉnh Vĩnh Long do ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 01 năm 2026 ông Đỗ Văn T và Ngô Thị K nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Không tính lãi trong hạn 252.170.179 đồng; không tính lãi quá hạn: 340.524.134 đồng; không tính lãi gốc thẻ tín dụng: 24.344.565 đồng; không tính lãi thẻ tín dụng: 20.718.778 đồng; không tính phí thẻ tín dụng: 3.231.125 đồng. Buộc trả phần nợ gốc là 3.799.999.967 đồng và không tính lãi.

- Chấp nhận cho ông T và bà K trả phần nợ gốc theo 03 đợt:

+ Đợt 1: Trong thời gian từ ngày 15/01/2026 đến ngày 15/4/2026 trả 1.266.666.665 đồng;

+ Đợt 2: Trong thời gian từ ngày 15/4/2026 đến 15/7/2026 trả 1.266.666.665 đồng;

+ Đợt 3: Trong thời gian từ ngày 15/7/2026 đến 15/10/2026 trả 1.266.666.665 đồng;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà K trình bày: Ông T và bà K có ký kết các khoản vay như Ngân hàng khởi kiện, tuy nhiên do ông T bị bệnh nên việc trả nợ không đúng hạn, khi ông T đang điều trị bệnh, cán bộ Ngân hàng có hứa sẽ hỗ trợ cho ông vay tiền để thanh toán nợ vay trước đó nhưng không thực hiện nên ông không có khả năng thanh toán một lần các khoản vay trên. Ông T

đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện dễ dàng cho ông T được chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp tại Ngân hàng để ông trả nợ cho Ngân hàng. Ông T và bà K yêu cầu Ngân hàng miễn giảm tiền lãi vì hoàn cảnh ông đang điều trị bệnh rất khó khăn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H ông Võ Long P trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông T, bà K, thống nhất quyết định của bản án sơ thẩm đã giải quyết. Do số nợ của ông T và bà K đã quá hạn hơn 03 tháng nên Ngân hàng mới khởi kiện. Việc ông T đề nghị miễn giảm lãi Ngân hàng không đồng ý, theo quy định của Ngân hàng chỉ khi khách hàng trả toàn bộ vốn vay một lần thì Ngân hàng mới xem xét có miễn giảm lãi cho khách hàng không. Hiện tại ông T không thanh toán tiền vay nên không được xem xét miễn giảm lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực D-Vĩnh Long.

Về án phí: Ông T và bà K mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị K nộp trong hạn luật định, phù hợp quy định Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12959/23MN/HĐTD ngày 31/5/2023 và phụ lục hợp đồng tín dụng 12959/23MN/HĐTD ngày 05/11/2023 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Đỗ Văn T, bà Ngô Thị K trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, theo đó ông T và bà K được cấp hạn mức vay số tiền 3.500.000.000 đồng; Mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi heo. Lãi suất vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả 10%/năm và có thể điều chỉnh theo quy định của H2 trên cơ sở phù hợp với quy định N trong từng thời kỳ và các khoản phí dịch vụ. Ngày 03/6/2024 Ngân hàng đã giải ngân cho ông T và bà K số tiền 2.750.000.000 đồng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 12959/23MN/HĐTD/KUNN03 có thời hạn vay 12 tháng từ ngày 04/6/2024 đến ngày 03/6/2025, lãi suất vay trong hạn 12%/năm, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần vào ngày 03 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên 03/9/2024, trả nợ gốc khi đến hạn. Đến ngày 19/11/2024 Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho ông T và bà K số tiền 750.000.000 đồng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 12959/23MN/HĐTD/KUNN04 có thời hạn vay 12 tháng từ ngày 20/11/2024 đến ngày 19/11/2025, lãi suất vay 12%/năm, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần vào ngày 19 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên 19/02/2025, trả nợ gốc khi đến hạn.

[2.2] Ngày 14/11/2024 Ngân hàng và ông T, bà K tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 40195/24MN/HĐTD ngày 14/11/2024 áp dụng đối với khách hàng vay từng lần, theo đó ông T và bà K được cấp hạn mức vay số tiền 300.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: Sản phẩm nông nghiệp – cho vay tiêu dùng. Lãi suất vay trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của hai bên; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả 10%/năm và có thể điều chỉnh theo quy định của H2 trên cơ sở phù hợp với quy định N trong từng thời kỳ và các khoản phí dịch vụ. Ngày 15/11/2024, Ngân hàng giải ngân số tiền 140.000.000 đồng ông T và bà K nhận theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 40195/24MN/HĐTD/KUNN01, thời hạn vay của số tiền trên là 60 tháng từ ngày 16/11/2024 đến ngày 15/11/2029, lãi suất vay trong hạn là 12,25%. Đến ngày 10/12/2024 Ngân hàng tiếp tục giải ngân số tiền 160.000.000 đồng ông T và bà K nhận theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 40195/24MN/HĐTD/KUNN02, thời hạn vay từ ngày 11/12/2024 đến ngày 15/11/2029, lãi suất vay trong hạn là 12,25%.

[2.3] Ngày 03/10/2023 bà Ngô Thị K có ký đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ, theo hợp đồng bà K được Ngân hàng cung cấp sản phẩm thẻ tín dụng Visa hạn thẻ Platinum và được cấp thẻ tín dụng theo biên bản giao thẻ cho khách hàng ngày 16/8/2024.

[2.4] Xét thấy, các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên được ký kết giữa Ngân hàng và ông T, bà K trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, có nội dung phù hợp quy định của pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân đúng theo hợp đồng và ông T, bà K cũng đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng. Sau khi vay, ông T và bà K có thanh toán nợ nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng đã ký kết, theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T và bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 13/3/2025 nên các khoản nợ của ông T và bà K đã chuyển thành nợ quá hạn, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà K trả nợ vay là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bà K và ông T liên đới trả số tiền gốc của các khoản vay còn nợ là 3.799.999.967 đồng, số tiền nợ gốc thẻ tín dụng còn nợ 24.344.565 đồng, phí thẻ tín dụng còn nợ 3.231.125 đồng là phù hợp với Điều 5 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12959/23MN/HĐTD ngày 31/5/2023 và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 40195/24MN/HĐTD ngày 14/11/2024; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 102 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[3] Xét kháng cáo của ông T và bà K yêu cầu chấp nhận cho ông bà trả nợ gốc thành 03 đợt: Hội đồng xét xử thấy rằng, như nhận định tại mục [2] ông T và bà K vi phạm nghĩa vụ hợp đồng đã ký kết, toàn bộ nợ vay chuyển thành nợ quá hạn, điều khoản của các hợp đồng không có thỏa thuận việc thanh toán nợ vay thành các đợt như đề nghị của ông T và bà K, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu trả dần số nợ vay thành 03 đợt theo đề nghị của ông T và bà K. Do đó, ông T và bà K đã thỏa thuận giao kết hợp đồng nên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng, vì vậy kháng cáo của ông T và bà K không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông T và bà K yêu cầu không trả các khoản tiền lãi, tiền phí thẻ tín dụng theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng: Khi ký kết hợp đồng các bên có thỏa thuận lãi suất vay trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả

theo từng khế ước hợp đồng tại Điều 2 của các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Do bà K và ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi nên khoản nợ của bà K và ông T đã chuyển sang nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà K và ông Thanh thanh T1 tiền lãi trong hạn: 252.170.179 đồng; lãi quá hạn: 340.524.134 đồng; lãi thẻ tín dụng: 20.718.778 đồng (tính đến ngày 30/12/2025) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng, khế ước nhận nợ từ ngày 31/12/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu được tính lãi suất theo thỏa thuận hợp đồng và được tiếp tục tính lãi cho đến khi thi hành án xong là có căn cứ chấp nhận. Ông T và bà K kháng cáo yêu cầu không trả các khoản lãi, tuy nhiên hợp đồng không có thỏa thuận miễn hoặc không trả tiền lãi và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng không đồng ý miễn hoặc không trả tiền lãi đối với các khoản vay trên cho ông T và bà K nên không có căn cứ xem xét chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà K không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên kháng cáo của ông T và bà K yêu cầu không tính lãi trong hạn, không tính lãi quá hạn, không tính lãi gốc thẻ tín dụng, không tính lãi thẻ tín dụng và không tín phí thẻ tín dụng không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản tiền vay ông T, bà K thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 352, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.372,5m^2, đất tọa lạc tại ấp B, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố L, phường A, tỉnh Vĩnh Long) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9941/23MN/HDBĐ ngày 31/5/2013; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBD/PL01 ngày 09/11/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL02 ngày 14/11/2024 do ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, hợp đồng thế chấp do hai bên tự nguyện giao kết và Ngân hàng đăng ký biện pháp bảo đảm tài sản thế chấp đúng quy định pháp luật nên việc thế chấp tài sản là hợp pháp. Theo Điều 8 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12959/23MN/HĐTD ngày 31/05/2023 và Hợp đồng tín dụng số 40195/24MN/HĐTD ngày

14/11/2014 thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản theo hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ và khởi kiện theo quy định. Do đó, trong trường hợp ông T, bà K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nói trên là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp các Điều 299, Điều 317 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị K. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 218/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực D-Vĩnh Long.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do kháng cáo của ông T và bà K không được chấp nhận nên ông bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên có căn cứ chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 100, Điều 102, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 218/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực D-Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đối với bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng:

- Buộc bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H nợ gốc và lãi số tiền (tính đến ngày 30/12/2025 là 4.440.988.748 đồng (Bốn tỷ bốn trăm bốn mươi triệu chín trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng) bao gồm: Nợ gốc các khoản vay: 3.799.999.967 đồng; Lãi trong hạn: 252.170.179 đồng; Lãi quá hạn: 340.524.134 đồng; Gốc thẻ tín dụng: 24.344.565 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 20.718.778 đồng; Phí thẻ tín dụng: 3.231.125 đồng.

- Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng, khế ước nhận nợ từ ngày 31/12/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- Trường hợp bà Ngô Thị K và ông Đỗ Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9941/23MN/HĐBĐ ngày 31/5/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL01 ngày 09/11/2023; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 9941/23MN/HĐBĐ/PL02 ngày 14/11/2024 đối với thửa đất số 352, tờ bản đồ số 04, tọa lạc khu phố L, phường A, tỉnh Vĩnh Long do ông Đỗ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị K mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nộp ngày 19/01/2026 theo biên lại thu số 0001353 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nộp ngày 19/01/2026 theo biên lại thu số 0001351 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông T và bà K đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT II - TATC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND TVL;
- TAND khu vực D - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung